TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2023/DS-ST
Ngày: 30-8-2023
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông; Ông Nguyễn Quang Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Vũ Hồng Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXDS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

*/ Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV G; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng C, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn X, xã ĐXn, huyện K Nô, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

*/ Bị đơn: Ông Trần T, sinh năm 1993; địa chỉ: Bon C, xã ĐX, huyện K, tỉnh Đăk Nông (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y trình bày: Ngày 02/01/2022 ông Trần T có mua của Công ty TNHH MTV G 01 chiếc xe máy Honda AIR BLADE với giá 55.100.000 đồng. Ông Trần T đã thanh toán cho Công ty số tiền 20.100.000 đồng, còn nợ lại số tiền 35.000.000 đồng. Tại giấy nhận nợ ngày 02/01/2022 thể hiện số tiền còn nợ lại 35.000.000 đồng hẹn đến ngày xong giấy tờ sẽ trả đủ. Ngày 21/01/2022 khi làm xong

giấy tờ, có biển số xe Công ty TNHH MTV G đã liên lạc nhưng ông Trần T không đến thanh toán như đã thỏa thuận. Công ty TNHH MTV G để cho ông Trần T 10 ngày từ ngày 21/01/2022 đến ngày 01/02/2022 đến lấy giấy tờ nhưng từ đó đến nay ông T vẫn không đến, cũng không thanh toán được bất kỳ khoản nợ nào. Nên Công ty TNHH MTV G khởi kiện yêu cầu ông Trần T phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV G số tiền còn nợ gốc là 35.000.000 đồng và tính lãi với lãi suất 1%/ tháng kể từ ngày 02/02/2022 đến nay.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần T, tuy nhiên ông Trần T đều vắng mặt, không trình bày ý kiến, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải; tại phiên tòa hôm nay ông Trần T lần thứ hai vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần T phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV G số tiền còn nợ gốc là 35.000.000 đồng và tính lãi với lãi suất 1%/ tháng kể từ ngày 02/02/2022 đến nay. Về án phí: Buộc bị đơn ông Trần T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Công ty TNHH MTV G yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ xuất phát từ hợp đồng mua bán xe nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 430 của Bộ luật dân sự. Bị đơn ông Trần T có nơi cư trú tại Bon C, xã ĐX, huyện K, tỉnh Đắk Nông, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyên Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Trần T đã được Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không hợp tác làm việc. Việc ông Trần T không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS và Nghị

quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, để tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Việc mua bán chiếc xe máy nhãn hiệu Honda AIR BLADE giữa Công ty TNHH MTV G với ông Trần T là có thật. Điều này thể hiện bằng giấy nhận nợ lập ngày 02/01/2022. Nội dung của giấy nhận nợ phù hợp với quy định tại Điều 430, 433, 440 của Bộ luật Dân sự nên hợp đồng mua bán chiếc xe máy nhãn hiệu Honda AIR BLADE giữa Công ty TNHH MTV G với ông Trần T là hợp pháp. Tại giấy nhận nợ ngày 02/01/2022 thể hiện số tiền còn nợ lại hẹn đến ngày xong giấy tờ sẽ trả đủ. Ngày 21/01/2022 làm xong giấy tờ, có biển số xe Công ty TNHH MTV G đã liên lạc nhưng ông Trần T không đến thanh toán như đã thỏa thuận. Công ty TNHH MTV G để cho ông Trần T 10 ngày từ ngày 21/01/2022 đến ngày 01/02/2022 đến lấy giấy tờ nhưng từ đó đến nay ông T vẫn không đến, cũng không thanh toán được bất kỳ khoản nợ nào, đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự quy *định "1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng".*

Xét yêu cầu của Công ty TNHH MTV G yêu cầu Tòa án buộc ông Trần T phải thanh toán số tiền mua xe còn nợ là 35.000.000 đồng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu tính lãi suất chậm trả của số tiền 35.000.000 đồng của nguyên đơn với lãi suất 1%/ tháng kể từ ngày 02/02/2022 đến nay (từ ngày 02/02/2022 đến ngày 30/8/2023 là 01 năm 6 tháng 28 ngày).

HĐXX thấy rằng: Khi mua bán các bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ, tuy nhiên tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất là 1%/tháng. Tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự quy định:*"Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này"*. Xét thấy, yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn với mức lãi suất 1%/tháng. Tiền lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 02/02/2022 đến ngày xét xử 30/8/2023 là 01 năm 6 tháng 28 ngày được tính như sau: 35.000.000 đồng x 1%/tháng x 01 năm 6 tháng 28 ngày = 6.626.666 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, Điều 468 và Điều 357 của

Bộ luật Dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV G về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

1. Buộc ông Trần T phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV G số tiền 41.626.666 đồng *(Bốn mươi mốt triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)*. Trong đó: nợ gốc là 35.000.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu đồng)*, tiền lãi là 6.626.666 đồng *(Sáu triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.Về án phí: Buộc ông Trần T phải chịu 2.081.000 đồng *(Hai triệu không trăm tám mươi mốt nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV G 875.000đ *(Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007269 ngày 30/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. *Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh